

# FUTURE TIME

## Exercise 29. Reading, grammar, and writing. (Chart 3-6)

**Part I.** Read the passage. **Đọc đoạn văn sau:**

### The Home of the Future

What will the home of the future look like? Imagine life 50 years from now. What kinds of homes will people have? Here are some interesting possibilities.

The living room walls will have big plasma screens. Instead of pictures on the wall, the screens will show changing scenery. If walls have different scenes, people may not even want many windows. As you know, fewer windows will make it easier to heat a house.

The house will have special electronic features, and people will control them with a remote control. For example, a person can lie in bed at night and lock all the doors in his or her house with one push of a button. Before someone arrives home from work, the remote will turn on the lights, preheat the oven, and even turn on favorite music. The bathroom faucets will have a memory. They will remember the temperature a person likes, and when he or she turns on the water in the tub or shower, it will be at the correct temperature. Maybe bedroom closets will have racks that move automatically at the touch of a button. When the weather is cold, the racks will deliver clothes that keep a person warm, and on warm days, the racks will deliver clothes that keep a person cool.



Finally, homes will be more energy-efficient. Most of the heat will probably come from the sun. Of course, solar heat will be popular because it will be inexpensive.

Which ideas do you like? Which ones do you think you may see in your lifetime?

Plasma screen: màn hình Plasma	Preheat the oven: làm nóng lò
Faucet (n) vòi nước	Bedroom closet: tủ quần áo trong phòng ngủ
Rack (n) giá đỡ	Energy-efficient: tiết kiệm năng lượng
Solar heat: nhiệt mặt trời	

**Part II.** Complete the sentences with information from the passage by matching the information in column B with column A

Hoàn thành các câu sau với thông tin từ đoạn văn trên bằng cách nối thông tin ở cột B với thông tin phù hợp với cột A.

1. When people look at the living room walls, they...
2. When a person is coming home from work, the remote...
3. As soon as a person gets home,...
4. If the bathroom faucets have a memory, they...
5. Before a person goes to sleep,...
6. When a person pushes a button, the closet racks...
7. When the weather is cold, the closet racks...
8. If a home has solar heat, the cost of heating the home ...

1. will deliver warm clothes
2. will remember the temperature a person likes
3. the lights will be on
4. will turn on the lights
5. will see changing scenery
6. he/she can lock the doors with a remote control
7. will move
8. will be inexpensive

**Part III.** Imagine you can build your dream house - 50 years from now. It can be any type of house you want. Think about the style, size, kinds of rooms, location, etc. Write a paragraph about this house. Begin with this topic sentence: *My dream house will have ...*

Hãy tưởng tượng bạn có thể xây ngôi nhà mơ ước của mình sau 50 năm nữa. Nó có thể là bất kỳ kiểu nhà nào bạn muốn. Hãy suy nghĩ về kiểu dáng, kích thước, các loại phòng, vị trí, v.v. Viết một đoạn văn về ngôi nhà này. Hãy bắt đầu bằng câu chủ đề này: *My dream house will have*

My dream house will have \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_



**Exercise 30. Looking at grammar. (Chapters 1, 2 and Charts 3- 1 -> 3-6)**

Complete each sentence with a form of the words in parentheses. Read carefully for time expressions.

Hoàn thành các câu sau với dạng đúng của các từ trong ngoặc. Đọc kỹ các biểu thức thời gian.

- Before Tim (go) goes to bed, he always (brush) brushes his teeth.
- Before Tim (go) \_\_\_\_\_ to bed later tonight, he (email) \_\_\_\_\_ his girlfriend.
- Before Tim (go) \_\_\_\_\_ to bed last night, he (take) \_\_\_\_\_ a shower.
- While Tim (take) \_\_\_\_\_ a shower last night, the phone (ring) \_\_\_\_\_
- As soon as the phone (ring) \_\_\_\_\_ last night, Tim (jump) \_\_\_\_\_ out of the shower to answer it.

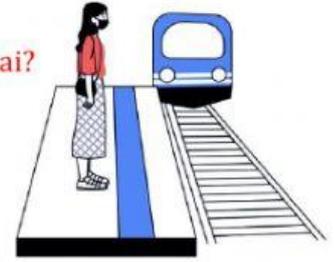
6. As soon as Tim (get) \_\_\_\_\_ up tomorrow morning, he (brush) \_\_\_\_\_ his teeth.

7. Tim always (brush) \_\_\_\_\_ his teeth as soon as he (get) \_\_\_\_\_ up.

### Exercise 31. Warm-up. (Chart 3-7)

Which sentences express future time? *Câu nào sau đây diễn tả thì tương lai?*

1. I'm catching a train tonight.
2. I'm going to take the express train.
3. The trip will only take an hour.



### 3-7 Using the Present Progressive to Express Future Time (Dùng thì Hiện tại tiếp diễn để diễn tả thì Tương lai.)

- (a) Tim **is going to come** to the party tomorrow.
- (b) Tim **is coming** to the party tomorrow.
- (c) We **'re going to go** to a movie tonight.
- (d) We **'re going** to a movie tonight.
- (e) I'm **going to stay** home this evening.
- (f) I'm **staying** home this evening.
- (g) Ann **is going to fly** to Chicago next week.
- (h) Ann **is flying** to Chicago next week



The present progressive can be used to express future time. Each pair of example sentences has the same meaning. The present progressive describes *definite plans for the future, plans that were made before the moment of speaking*. A future meaning for the present progressive is indicated either by future time words (e.g., *tomorrow*) or by the situation.\*

*Hiện tại tiếp diễn được sử dụng để diễn tả thời gian trong tương lai. Mỗi cặp ví dụ đều có nghĩa giống nhau.*

*Hiện tại tiếp diễn mô tả các kế hoạch xác định cho tương lai, các kế hoạch đã được thực hiện trước thời điểm nói.*

*Nghĩa tương lai của hiện tại tiếp diễn được biểu thị bằng các từ chỉ thời gian trong tương lai (ví dụ: *tomorrow*) hoặc theo tình huống.\**

- (i) You **'re going to laugh** when you hear this joke.
- (j) **INCORRECT:** You're laughing when you hear this joke.



The present progressive is NOT used for predictions about the future.

In (i): The speaker is predicting a future event.

In (j): The present progressive is not possible; laughing is a prediction, not a planned future event.

*Hiện tại tiếp diễn KHÔNG được sử dụng để dự đoán về tương lai.*

*Ở (i): Người nói đang dự đoán một sự kiện trong tương lai.*

*Trong (j): Hiện tại tiếp diễn không thể dùng được; cười là một dự đoán, không phải là một sự kiện dự kiến trong tương lai.*

\*COMPARE: Present situation: *Look! Mary's **coming**. Do you see her?*

Future situation: *Are you planning to come to the party? Mary's **coming**. So is Alex.*

\* SO SÁNH: Tình huống hiện tại: *Look! Mary's **coming**. Do you see her?*

Tình huống tương lai: *Are you planning to come to the party? Mary's **coming**. So is Alex.*

## Exercise 32. Looking at grammar. (Chart 3-7)

Complete the conversations with the correct form of the given verbs. Use the present progressive if possible.

Hoàn thành các đoạn hội thoại sau với dạng đúng của các động từ đã cho. Sử dụng thì hiện tại tiếp diễn nếu có thể.

1. A: What (you, do) are you doing tomorrow afternoon? ·

B: I (go) am going to the mall. How about you? What (you, do) \_\_\_\_\_ tomorrow afternoon?

A: I (go) \_\_\_\_\_ to a movie with Dan. After the movie, we (go) \_\_\_\_\_ out to dinner. Would you like to meet us for dinner?

B: No, thanks. I can't. I (meet) \_\_\_\_\_ my son for dinner.

2. A: What (you, major) \_\_\_\_\_ in?

B: I (major) \_\_\_\_\_ in engineering.

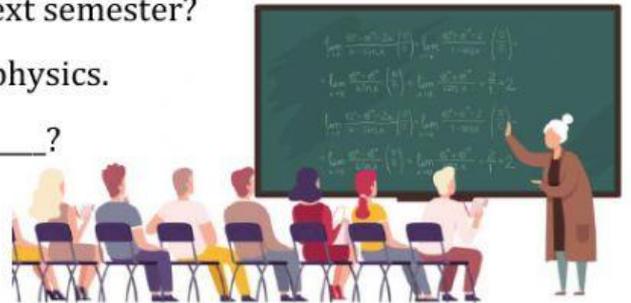
A: What courses (you, take) \_\_\_\_\_ next semester?

B: I (take) \_\_\_\_\_ English, math, and physics.

3. A: Stop! Paula! What (you, do) \_\_\_\_\_?

B: I (cut) \_\_\_\_\_ my hair, Mom.

A: Oh dear!



## Exercise 33. Listening. (Chart 3-7)

Listen to the conversation and write the words you hear. *Nghe đoạn hội thoại sau và điền những từ bạn nghe được.*

### Going on vacation

A: I \_\_\_\_\_ on vacation tomorrow.

B: Where \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_?

A: To San Francisco.

B: How are you getting there? \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ or \_\_\_\_\_ your car?

A: I \_\_\_\_\_. I have to be at the airport by seven tomorrow morning.



B: Do you need a ride to the airport?

A: No, thanks. I \_\_\_\_\_ a taxi.

What about you? Are you planning to go somewhere over vacation?

B: No. I \_\_\_\_\_ here.



### Exercise 34. Let's talk: pairwork. (Chart 3-7)

Tell me about your plans. Use the present progressive.

**Kể về kế hoạch của bạn. Sử dụng thì hiện tại tiếp diễn.**

*Example: What are your plans for this evening?*

*A: I'm staying home. How about you?*

*B: I'm going to a coffee shop to work on my paper for a while. Then I'm meeting some friends for a movie.*



What are your plans ...

1. What are your plans for the rest of today?
2. What are your plans for tomorrow?
3. What are your plans for this coming weekend?
4. What are your plans for next month?



### Exercise 35. Let's write. (Chart 3-7)

Imagine you have a week's vacation. You can go anywhere you want. Think of a place you would like to visit. Write a paragraph in which you describe your trip. Use the present progressive where appropriate.

**Hãy tưởng tượng bạn có một kỳ nghỉ trong tuần. Bạn có thể đi bất cứ đâu bạn muốn. Nghĩ về một nơi bạn muốn đến thăm. Viết một đoạn văn trong đó bạn mô tả chuyến đi của bạn. Sử dụng thì hiện tại tiếp diễn thích hợp.**

*Example: My friend Sara and I are taking a trip to Nashville, Tennessee. Nashville is the home of country music, and Sara loves country music. She wants to go to lots of shows. I don't know anything about country music, but I'm looking forward to going to Nashville. We're leaving Friday afternoon as soon as Sara gets off work. (Etc.)*

Possible questions to answer in your paragraph:

1. Where are you going?
2. When are you leaving?
3. Who are you going with, or are you traveling alone?
4. How are you getting there?
5. Where are you staying?
6. Are you visiting anyone? Who?
7. How long are you staying there?
8. When are you getting back?



***"I'm going to stand outside. So if anyone asks, I am outstanding."***

***Tôi sẽ đứng ở ngoài thôi và nếu có ai hỏi thì tôi nói là do tôi nổi bật đấy.***